

Số: 29 /2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Tiêu chí và cách thức lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò
khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
185/TTr-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định Quy định Tiêu chí và cách thức lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này quy định tiêu chí và cách thức lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quy định này không áp dụng đối với trường hợp chỉ có một (01) tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm khoáng sản ở các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi hết hạn thông báo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng và áp dụng tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tiêu chí là cơ sở để chấm điểm ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp lệ và đúng quy định, không phải là tiêu chí bắt buộc các tổ chức, cá nhân thực hiện.

2. Hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Tiêu chí phải bảo đảm tính định lượng.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để bảo đảm rõ ràng, minh bạch và phải xây dựng dưới dạng định lượng.

b) Tiêu chí phải bảo đảm tính khách quan, khoa học.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản được xây dựng dựa trên các số liệu, dữ kiện khách quan, đồng thời phải phù hợp với các yếu tố kinh tế, văn hóa - xã hội.

c) Tiêu chí phải bảo đảm dễ hiểu, dễ thực hiện.

Xây dựng tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không nên sử dụng các mô hình toán phức tạp, làm cho việc áp dụng tiêu chí vào thực tế gặp khó khăn phức tạp.

d) Tiêu chí phải bảo đảm tính công khai.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cần được xây dựng và góp ý công khai, công bố rộng rãi cho mọi đối tượng có liên quan đều biết.

đ) Tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các cam kết sau:

Cam kết khoáng sản phục vụ đúng mục tiêu của tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt;

Có cam kết hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật; (đề xuất số liệu cụ thể)

4. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân đáp ứng tiêu chí và không bị điểm liệt, có số điểm cao nhất trong các hồ sơ theo Bộ tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng

sản trên địa bàn tỉnh được lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi UBND tỉnh);

b) Quy định điểm liệt trong tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm liệt trong bộ tiêu chí là mức điểm giới hạn trong các tiêu chí nhằm xác định tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để được tiến hành xét chọn, được quy định như sau:

- Tiêu chí 1: Không có điểm liệt;
- Tiêu chí 2: Dưới 05 điểm;
- Tiêu chí 3: Điểm liệt đối với tiêu chí Thiết bị khai thác: dưới 05 điểm;
- Tiêu chí 4: Không có điểm liệt;
- Tiêu chí 5: Không có điểm liệt;

Điều 4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tiêu chí 1: Tiêu chí về vốn góp để tham gia điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở khu vực dự kiến cấp phép thăm dò khoáng sản. *(Tối đa 10 điểm).*

2. Tiêu chí 2: Tiêu chí về vốn điều lệ đối với tổng dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại khu vực đề nghị thăm dò. *(Thể hiện qua báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng và các tài liệu thuyết minh khác) (Tối đa 20 điểm).*

3. Tiêu chí 3: Tiêu chí về sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác tiên tiến hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản. Bao gồm: Thiết bị, công nghệ; Trình độ nhân lực công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin, kinh nghiệm thực hiện dự án. *(Tối đa 35 điểm).*

4. Tiêu chí 4: Tiêu chí về chấp hành tốt nghĩa vụ tài chính về khoáng sản, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường. Bao gồm: nộp ngân sách; tạo công ăn việc làm cho người lao động và các khoản đóng góp xã hội, từ thiện, phúc lợi xã hội; bảo vệ môi trường; các hình thức được vinh danh. *(Tối đa 15 điểm).*

5. Tiêu chí 5: Tiêu chí khác. Bao gồm: đang sử dụng đất hoặc đã có thỏa thuận giải phóng mặt bằng tại khu vực thực hiện thăm dò; Nhà đầu tư cam kết thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại tỉnh Thừa Thiên Huế; có hợp đồng cung cấp khoáng sản cho các dự án thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt. *(Tối đa 20 điểm).*

(Phụ lục: Tiêu chí lựa chọn để thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh kèm theo Quyết định này)

Điều 5. Quy định về điều kiện và ưu tiên xét chọn hồ sơ

1. Trong trường hợp các tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản điều đáp ứng các điều kiện bằng nhau về điểm số tại các tiêu chí nêu trên tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì tổ chức nào nộp hồ sơ sớm nhất tính theo thời gian ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ sẽ được lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các cam kết khoáng sản phục vụ đúng mục tiêu của tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt; có cam kết hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật (đề xuất số liệu cụ thể);

Điều 6. Cách thức lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Thăm quyền, tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh:

Ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập tổ giúp việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản với các thành viên thuộc các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông và Vận tải và UBND cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản đưa ra lựa chọn cấp phép thăm dò khoáng sản để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân theo tiêu chí trình UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định.

2. Trình tự đánh giá, lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

a) Hết thời gian thông báo 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò của tổ chức, cá nhân đầu tiên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp hồ sơ do các tổ chức, cá nhân nộp trong thời hạn quy định và chủ trì, phối hợp với các thành viên tổ giúp việc được quy định tại khoản 1 Điều này tiến hành họp đánh giá hồ sơ theo tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản và đưa ra kết quả lựa chọn để trình UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Đối với dự án thực hiện trên địa bàn khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân theo quy định tại Quyết định này và các quy định đã được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp tỉnh.

b) Thời gian lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản là 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thông báo quy định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Báo TTH, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT;
- VP: CVP, PCVP, và các CV;
- Lưu VT, XD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định

Phụ lục

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỂ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tiêu chí	Điểm chấm	Điểm tối đa	Ghi chú
I.	Tiêu chí về vốn góp để tham gia điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở khu vực dự kiến cấp phép thăm dò khoáng sản		10	
1.	Trên 80%-100%	10		
2.	Trên 60% - 80%	8		
3.	Trên 40% - 60%	6		
4.	Trên 20% - 40%	4		
II.	Tiêu chí về vốn điều lệ đối với tổng dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại khu vực đề nghị thăm dò		20	
1.	Trên 80% - 100%	20		
2.	Trên 70% - 80%	15		
3.	Trên 60% - 70%	10		
4.	Trên 50% - 60%	5		
III.	Tiêu chí về sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác tiên tiến hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản		35	
1.	Thiết bị khai thác		10	
a.	Chủ sở hữu	10		
b.	Thuê hoặc liên danh	5		
2.	Sử dụng công nghệ trong khai thác		5	
a.	Công suất chế biến $\geq 100.000 \text{ m}^3/\text{năm}$	5		Áp dụng thêm cho đá làm vật liệu xây dựng thông thường
b.	Công suất chế biến $< 100.000 \text{ m}^3/\text{năm}$	3		
3.	Sử dụng công nghệ chế biến đá xay thành cát		5	
4.	Trình độ nhân lực		3	
a.	Có kỹ sư khai thác mỏ hoặc cử nhân địa chất	3		
b.	Không có kỹ sư khai thác mỏ	0		
5.	Có sử dụng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và quản lý		2	
6.	Kinh nghiệm thực hiện dự án		10	

a.	Đã làm chủ đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản có một dự án đang vận hành sản xuất, kinh doanh	10		
b.	Đã làm chủ đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản đang triển khai thi công	5		
c.	Đã liên danh hoặc hợp tác khai thác dự án khai thác khoáng sản đang triển khai thi công	3		
IV.	Tiêu chí về chấp hành tốt nghĩa vụ tài chính về khoáng sản, đóng góp phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường.		15	
1.	Nộp ngân sách		10	
a.	Nộp đầy đủ và đúng hạn	10		
b.	Nộp đầy đủ nhưng chưa đúng hạn	5		
c.	Nộp chưa đầy đủ	0		
2.	Có phương án đào tạo, ưu tiên sử dụng lao động địa phương		3	
3.	Các khoản đóng góp phúc lợi xã hội, từ thiện, phúc lợi xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hình thức được vinh danh các dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện (có số liệu cụ thể)		2	
V.	Tiêu chí khác		20	
1.	Đang sử dụng đất hoặc đã có thỏa thuận giải phóng mặt bằng tại khu vực thực hiện thăm dò		7	
2.	Hợp đồng cung cấp khoáng sản cho dự án có sử dụng khoáng sản thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt		8	
a.	Đang là nhà thầu thi công hoặc có hợp đồng kinh tế cung cấp cho dự án	8		
b.	Có hợp đồng nguyên tắc hoặc Văn bản thỏa thuận cung cấp khoáng sản	3		
3.	Thành lập doanh nghiệp		5	
a.	Nhà đầu tư đã thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại tỉnh Thừa Thiên Huế	5		
b.	Cam kết thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại tỉnh Thừa Thiên Huế	3		

	TỔNG CỘNG		100	Đối với loại khoáng sản không phải đá là vật liệu xây dựng thông thường tổng điểm tối đa là 90
--	------------------	--	------------	---